

Bản án số: 08/2023/ST-HNGĐ

Ngày 16/01/2023

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thủy.  
Ông Lê Văn Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn bá Thuận - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên** tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2022 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐST- HNGĐ ngày 7 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, vụ án giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn Đ., SN 1986 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn Tr.V, xã Đ.Th, huyện Y.M, tỉnh Hưng Yên

2. Bị đơn: Chị Châu Bích Ng., SN 1984 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: 7383 Japer CR, TP Vancouver, Bristist Columbia, Canada.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Lê Văn Đ. trình bày: Anh Đ. kết hôn với chị Ng. trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Hưng Yên vào ngày 24/7/2007, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được mấy ngày thì chị Ng. bỏ về Canada và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai và cũng không liên lạc với nhau. Nay anh Đ. xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu TAND tỉnh Hưng Yên giải quyết cho anh được ly hôn chị Ng..

Về con chung và tài sản chung không có.

Bị đơn Chị Châu Bích Ng. trình bày tại tờ khai hữu thê xác định quá trình kết hôn và ly thân như anh Đ. đã trình bày, ngoài ra chị khẳng định chị không còn là vợ của anh Lê Văn Đ. nữa.

Về con chung và tài sản chung không có.

Tại công văn số: 7912/QL-XNC-P4 ngày 25/4/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định chị Châu Bích Ng. đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế Tân Sơn Nhất vào ngày 07/02/2018, hiện chưa có thông tin về nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc

tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về phía bị đơn vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Đ..

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về tố tụng: Anh Đ. khởi kiện yêu cầu xin ly hôn chị Châu Bích Ng., hiện chị Ng. đang ở nước ngoài nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn Đ. có đơn yêu cầu TAND tỉnh Hưng Yên xét xử vắng, bị đơn chị Châu Bích Ng. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn Đ., Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ. và chị Ng. là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, và đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết bốn phận của người đó. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ. với chị Ng. đã trở lên trầm trọng, mục đích của Hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử cho anh Đ. được ly hôn chị Ng. là phù hợp.

Về con chung và tài sản chung: Không có.

Về án phí: Anh Lê Văn Đ. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lê Văn Đ..

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Đ. được ly hôn chị Châu Bích Ng..

2. Về con chung và tài sản chung: Không có

4. Về án phí: Anh Lê Văn Đ. phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Đ. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000065 ngày 01/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh Đ. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Đ. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, Chị Ng. được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ.Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Hữu Tăng**